

Bản án số: 144/2023/DS-ST

Ngày: 31-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Ngân
2. Nguyễn Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/DSST ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2635/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3558/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 68 đường số 6, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, ông Bùi Văn H, sinh năm 1989 là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền công chứng số 13412 quyền số: 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/9/2020 lập tại Phòng Công chứng số 7).

Cùng địa chỉ: Phòng SAV.1 - 03.03 tầng 3, cao ốc T, số 28 M, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông Hoa Xuân V, sinh năm 1974

Địa chỉ: 145B Đ, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Lâm Hải V, sinh năm 1983

Địa chỉ: 184/4 N, tổ 2, khu phố 1, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T có ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu T và vợ chồng ông Hoa Xuân V, bà Nguyễn Lâm Hải V có ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 018916, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/9/2016 lập tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “Bên A (Bà Nguyễn Thị Thu T) đồng ý sẽ cho bên B (ông Hoa Xuân V, bà Nguyễn Lâm Hải V) vay và bên B đồng ý sẽ vay của bên A số tiền là 670.000.000 đồng; Thời hạn vay: 13 tháng kể từ ngày 08/9/2016; lãi suất tính theo lãi suất vay của Ngân hàng TMCP N Việt Nam kỳ hạn 13 tháng vào thời điểm thanh toán nợ gốc. Thời hạn trả lãi: thanh toán một lần cùng với tiền gốc, vào ngày 08/10/2016; việc giao nhận số tiền sẽ được hai bên thực hiện sau khi ký kết hợp đồng này và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên ký tên dưới đây”.

Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán, nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông V và bà V không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn. Do đó, ngày 16/7/2020 đại diện hợp pháp của bà Trang là Công ty TNHH Luật CNC Việt Nam đã gửi văn bản đến ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V về việc “Thông báo thực hiện công việc theo ủy quyền và yêu cầu ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu T tiền gốc và lãi vay, yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du học M giải quyết các vấn đề liên quan đến thỏa thuận đã ký với ông Lê Trung Đ và bà Nguyễn Thị Thu T”. Ngày 26/7/2020, ông Hoa Xuân V có văn bản gửi cho Công ty TNHH Luật CNC Việt Nam có nội dung:

Phúc đáp Công ty Luật CNC Việt Nam số 16.07g/2020/TB-CNC: Ngày 20/7/2020 tôi Hoa Xuân V có nhận được thông báo ủy quyền của cô T và anh Đ cho Thịnh N là người đại diện làm việc với tôi. Trong mấy ngày qua tôi bận công việc nên hôm nay tôi phúc đáp lại về việc thanh toán tiền cho cô Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Trung Đ như đã có trong bản hợp đồng vay được công chứng số 1 Pasteur ký 8.9.2016 số tiền 670.000.000 x2= 1.340.000.000 đồng do tôi cũng là nạn nhân bị lừa, nhưng vì uy tín tôi sẵn sàng đứng ra thanh toán số tiền trên cho cô T và anh Đ, phương thức thanh toán như sau:

Đợt 1: lúc 16h ngày 28/8/2020 thanh toán 300.000.000 đồng; đợt 2: lúc 16h ngày 30/9/2020 thanh toán 400.000.000 đồng; đợt 3: thanh toán lúc 10h ngày

30/10/2020 số tiền 400.000.000 đồng; đợt 4: thanh toán số tiền còn lại + lãi theo hợp đồng công chứng là ngày 27/11/2020. Tuy nhiên, ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V mới chỉ thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần.

Do đó nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án Quận 1 yêu cầu ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gồm: nợ gốc: 570.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn (tính theo mức lãi suất 9%/năm) là 55.516.438 đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 09/10/2017 đến ngày 31/5/2023 (trên mức lãi suất 09%/năm) là : 289.528.767 đồng; lãi chậm trả từ ngày 09/10/2017 đến ngày 31/8/2020 là 215.021.847 đồng. Tổng cộng: 915.045.205 đồng. Tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất 9%/năm cho đến khi ông V và bà V thanh toán dứt điểm khoản nợ. Thời hạn thanh toán 01 lần toàn bộ số tiền khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn - ông Hoa Xuân V vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nhưng có bản khai ngày 27/4/2021 có nội dung:*

Ông xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 670.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 018916, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/9/2016 lập tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh. Ông và vợ là bà Nguyễn Lâm Hải V đã nhận đủ số tiền vay sau khi ký hợp đồng vay tiền. Quá trình vay tiền, ông đã chuyển khoản trả cho bà Trang số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc qua Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam. Nay ông xác nhận còn nợ bà Trang số tiền nợ gốc là 570.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 09%/năm. Ông đề nghị được trả nợ cho bà Trang mỗi tháng 10.000.000 đồng, khi ông giải quyết xong công việc đến tháng 12/2021 ông sẽ thanh toán hết số tiền còn lại. Ông cam kết số tiền và lời khai trên đúng sự thật.

** Bị đơn - bà Nguyễn Lâm Hải V vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Sau khi thụ lý vụ kiện, Tòa án nhân dân Quận 1 đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ cư trú cuối cùng của bà Nguyễn Lâm Hải V.

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn

trả tiền nợ còn thiếu là 915.045.205 đồng, trong đó: Nợ gốc: 570.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 55.516.438 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 09/10/2017 đến ngày 31/5/2023 trên mức lãi suất 09%/năm là 289.528.767 đồng, tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi bị đơn thanh toán hết khoản nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V về việc yêu cầu ông V và bà V liên đới trả số tiền đã vay theo Hợp đồng vay tiền các bên ký kết, do đó Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo kết quả xác minh của Công an Phường Tân Định, Quận 1: “*Đương sự Hoa Xuân V, sinh năm 1974. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại 145B Đ, phường Đ, Quận 1*”. Do đó xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nơi cư trú của bà Nguyễn Lâm Hải V: Kết quả xác minh ngày 30/12/2021 của Công an phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: “*Đương sự Nguyễn Lâm Hải V, sinh năm 1983 có đăng ký thường trú tại 184/4 Nguyễn Văn Q, tổ 2, khu phố 1, phường P, Quận B. Hiện nay ở tại địa chỉ 44 Trần Quang K, phường T, Quận M*”.

Căn cứ kết quả xác minh ngày 18/4/2022 của Công an phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: Tại địa chỉ 44 Trần Quang K, phường T, Quận M không có ai tên Nguyễn Lâm Hải V, sinh năm 1983 đăng ký thường trú, tạm trú hoặc thực tế cư trú tại địa chỉ trên.

Tại văn bản trả lời của Cục quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an cho biết: bà Nguyễn Lâm Hải V xuất cảnh lần cuối cùng vào ngày 03/3/2020 tại Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Như vậy bà V hiện không có mặt ở Việt Nam nhưng không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài. Do đó xác định nơi cư trú cuối cùng của bà V là địa 184/4 Nguyễn Văn Q, tổ 2, khu phố 1, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Trung Đ, sinh năm 1981 là chồng hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 04/7/2019 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) có Đơn đề nghị số công chứng 0967, Quyền số 05 - SCT/CK, ĐC lập tại Phòng công chứng số 7 Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/5/2023 có nội dung: Ông Lê Trung Đ đề nghị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này vì ông Xác định toàn bộ số tiền 670.000.000 đồng là tài sản riêng hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu T và toàn bộ khoản nợ mà ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V phải trả là tài sản riêng hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu T. Do đó Hội đồng xét xử xác định ông Lê Trung Đ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về chứng cứ, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn bà Nguyễn Lâm Hải V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[1]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T về việc buộc ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 570.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bên có ký kết hợp đồng vay tiền số công chứng 018916, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/9/2016 lập tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “Bên A (Bà Nguyễn Thị Thu T) đồng ý sẽ cho bên B (ông Hoa Xuân V, bà Nguyễn Lâm Hải V) vay và bên B đồng ý sẽ vay của bên A số tiền là 670.000.000 đồng; Thời hạn vay: 13 tháng kể từ ngày 08/9/2016; lãi suất tính theo lãi suất vay của Ngân hàng TMCP N Việt Nam kỳ hạn 13 tháng vào thời điểm thanh toán nợ gốc. Thời hạn trả lãi: thanh toán một lần cùng với tiền gốc, vào ngày 08/10/2016; việc giao nhận số tiền sẽ được hai bên thực hiện sau khi ký kết hợp đồng này và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên ký tên dưới đây”. Việc các bên thỏa thuận vay tiền được lập thành văn bản, có công chứng theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

nên hợp pháp, ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V đã có bản khai xác nhận vợ chồng ông đã nhận đủ số tiền cho vay 670.000.000 đồng từ bà Trang và đã trả được 100.000.000 đồng tiền nợ gốc. Như vậy có căn cứ xác nhận ông V và bà V có vay tiền và nhận đủ số tiền vay từ bà Trang. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận ông Hoa Xuân V đã trả được số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Do đó căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V trả số tiền nợ gốc còn lại là 570.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T về việc buộc ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V trả số tiền nợ lãi trong hạn là 55.516.438 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Hợp đồng vay tiền số công chứng 018916, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/9/2016 lập tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 13 tháng, lãi suất được tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP N Việt Nam kỳ hạn 13 tháng vào thời điểm thanh toán nợ gốc. Thời hạn trả lãi là thanh toán một lần cùng với tiền gốc vào ngày 08/10/2016. Như vậy xác định thời hạn tính tiền lãi trong hạn là từ ngày 08/9/2016 đến ngày 08/10/2017. Tại hợp đồng vay tiền ghi thời hạn thanh toán là ngày 08/10/2016 là có sự nhầm lẫn bởi các bên thỏa thuận thời hạn vay là 13 tháng thì thời gian kết thúc vay là 08/10/2017. Nguyên đơn tự nguyện yêu cầu áp dụng mức lãi suất trong hạn là 9%/năm trên số tiền gốc 570.000.000 đồng là thấp hơn mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền (Tại văn bản số 4679/HCM-TH ngày 12/5/2023 của Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp thông tin có nội dung: Lãi suất cho vay ngắn hạn 9%/năm; lãi suất cho vay trung hạn: 12%/năm) tương đương với số tiền (570.000.000 đồng x 09%/năm : 365 ngày x 395 ngày) là 55.516.438 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T về việc buộc ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V trả số tiền nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 09/10/2017 đến ngày 31/5/2023 là 289.527.767 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Hợp đồng vay tiền số công chứng 018916, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/9/2016 lập tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 13 tháng, thời hạn thanh toán cả nợ gốc và lãi là ngày 08/10/2017. Tuy nhiên đến hạn thanh toán nhưng bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn nên nghĩa vụ phát sinh tiền lãi quá hạn kể từ ngày 09/10/2017. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn liên đới thanh toán tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc 570.000.000 đồng theo mức lãi suất 09%/năm (tạm tính từ ngày

09/10/2017 đến ngày 31/5/2023) tương đương với số tiền (570.000.000 đồng x 09%/năm :365 ngày x 2060 ngày) là 289.528.767 đồng là có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Như vậy, ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lê Hải V có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền là 915.045.205 đồng, trong đó: Nợ gốc: 570.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 55.516.438 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 09/10/2017 đến ngày 31/5/2023 là 289.528.767 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí. Bị đơn ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lê Hải V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5]. Quyền kháng cáo:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Luật phí, lệ phí năm 2015;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T: Buộc ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lê Hải V liên đới có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền nợ gốc: 570.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là

55.516.438 đồng và tiền lãi quá hạn là 289.528.767 đồng; Tổng cộng là 915.045.205 đồng.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Hoa Xuân V và bà Nguyễn Lâm Hải V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 39.451.356 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền tạm ứng đã nộp là 20.362.930 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0029677 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa